

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /2018/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 14 tháng 5 năm 2018

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp, đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kinh tế Nông nghiệp,

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp.

Chương 1 - QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số nội dung quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp (sau đây gọi là Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg), gồm:

a) Định mức hỗ trợ thực hiện theo Phụ lục I kèm theo Thông tư này.

b) Nội dung thực hiện các dự án bảo vệ và phát triển rừng, trồng rừng; trồng cây phân tán; rừng giống, vườn giống; sản xuất giống cây rừng chất lượng cao; vườn ươm giống; hỗ trợ đường lâm nghiệp; khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao; chế biến gỗ; dự án đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các Công ty nông, lâm nghiệp.

c) Nghiệm thu dự án đầu tư.

2. Đối tượng áp dụng:

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư theo khoản 2, Điều 2, Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Tổ chức do Nhà nước thành lập trong Thông tư này bao gồm: Doanh nghiệp nhà nước (doanh nghiệp quốc doanh), Hạt Kiểm lâm, Đoàn biên phòng, ban quản lý rừng phòng hộ, ban quản lý rừng đặc dụng (gồm vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo tồn loài và sinh cảnh), và các ban quản lý được Nhà nước thành lập theo quy định của pháp luật.

2. Công trình lâm sinh trong Thông tư này bao gồm: Trồng rừng, chăm sóc rừng (bao gồm cả xây dựng, chuyển hóa rừng giống, vườn giống, rừng khảo nghiệm, trồng rừng nông lâm kết hợp, trồng rừng thay thế); bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng; sản xuất cây giống (cây con); xây dựng vườn ươm; xây dựng đường ranh cản lửa.

3. Chu kỳ lâm sinh: Khoán bảo vệ rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng trung bình 5 năm; Trồng rừng gỗ nhỏ, khoanh nuôi tái sinh rừng có trồng bổ sung trung bình 7 năm; Trồng rừng gỗ lớn, trung bình 10 năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể chu kỳ lâm sinh khi phê duyệt dự án.

4. Dự án bảo vệ và phát triển rừng là dự án có một hoặc nhiều nội dung trong cả chu kỳ lâm sinh, gồm: Trồng rừng sản xuất; trồng rừng đặc dụng; trồng rừng phòng hộ; trồng cây phân tán; bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng; các công trình hạ tầng phục vụ lâm sinh.

5. Các công trình hạ tầng phục vụ lâm sinh gồm: Chòi canh lửa; biển báo cháy; biển nội quy; biển báo công trình trồng rừng; vườn ươm; đường ranh cản lửa; trạm bảo vệ rừng; lán trại của công nhân trồng rừng, bảo vệ rừng; các công trình phòng chống cháy rừng, nhà tập thể cho người lao động của công ty nông lâm nghiệp.

Chương 2 - QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Lập, thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư

Việc lập, thẩm định, phê duyệt dự án thực hiện theo quy định của Luật đầu tư công và Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 4. Phạm vi dự án

1. Quy mô một dự án bảo vệ và phát triển rừng, dự án trồng rừng tối thiểu là 500 ha; đối với rừng ngập mặn tối thiểu là 300 ha. Trường hợp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là cấp tỉnh) không có đủ diện tích trên, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được lập một dự án bảo vệ và phát triển rừng.

2. Trên địa bàn một huyện được lập tối đa một dự án bảo vệ và phát triển rừng sử dụng nguồn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ do địa phương quản lý, việc hỗ trợ ngân sách Trung ương theo quy định tại khoản 4, Điều 17, Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg. Trường hợp trên địa bàn đã có ban quản lý rừng đặc dụng thì ban quản lý rừng đặc dụng làm chủ đầu tư.

Điều 5. Thực hiện dự án trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng của tổ chức do Nhà nước thành lập làm chủ đầu tư

1. Việc triển khai các dự án bảo vệ và phát triển rừng, trồng rừng, khoanh nuôi tái sinh có trồng bổ sung cần được khoán ổn định cho người dân từ khâu trồng, chăm sóc, bảo vệ theo chu kỳ lâm sinh và hưởng lợi theo quy định của Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg.

2. Chủ đầu tư ký hợp đồng trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng với hộ dân, nhóm hộ tham gia trồng rừng bao gồm hướng dẫn thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình lâm sinh được duyệt.

3. Người dân khi được giao khoán đất trồng rừng, phát triển rừng có thể tự trồng rừng trước và được hỗ trợ sau theo định mức quy định.

4. Đối với đất lâm nghiệp đã giao cho người dân ổn định lâu dài, người dân được tự trồng rừng trước. Diện tích trồng thành rừng sẽ được ưu tiên đưa vào dự án trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh hỗ trợ sau đầu tư và hỗ trợ vốn theo quy định.

5. Danh sách các hộ tham gia trồng rừng, phát triển rừng được niêm yết công khai tại Ủy ban nhân dân xã, nhà văn hóa thôn, bản về diện tích và số tiền được nhận.

6. Đối với đất trồng rừng của các công ty nông, lâm nghiệp đã được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 118/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ mà Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ khi nhận hỗ trợ để thực hiện dự án trồng rừng thì khoán ổn định lâu dài cho hộ gia đình.

Điều 6. Thực hiện dự án trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng do doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần có mức vốn Nhà nước sở hữu dưới 50% vốn điều lệ, công ty hợp danh, hợp tác xã làm chủ đầu tư

1. Chủ đầu tư lập hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình lâm sinh, tự phê duyệt hồ sơ thiết kế kỹ thuật, dự toán công trình theo quy định tại khoản 2, Điều 19, Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg.

2. Chủ đầu tư được tự thực hiện trồng rừng, phát triển rừng và được hỗ trợ sau đầu tư theo định mức quy định khi rừng được nghiệm thu.

Điều 7. Thực hiện trồng cây phân tán

1. Chủ đầu tư tổ chức ươm cây hoặc hợp đồng mua cây giống, lập kế hoạch trồng, tổ chức cho các đối tượng tham gia đăng ký trồng trong đó xác định rõ địa điểm trồng, thời gian trồng, loài cây trồng.

2. Trồng cây phân tán của hộ gia đình trên bờ lô, khoảnh ở nương rẫy kết hợp bảo vệ cây nông nghiệp.

3. Cây phân tán trên đất công cộng (đường giao thông, bờ mương), ưu tiên giao cho tổ chức như: Đoàn thanh niên, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, hợp tác xã, cộng đồng dân cư đứng ra trồng và hưởng lợi.

4. Trồng cây phân tán được thực hiện theo phương thức trồng trước, hỗ trợ sau đầu tư khi cây được nghiệm thu.

Điều 8. Thực hiện đầu tư đường ranh phòng chống cháy rừng (đường ranh cản lửa)

1. Chủ đầu tư lập phương án (quy hoạch) đầu tư đường ranh cản lửa. Không sử dụng tiền hỗ trợ của Nhà nước để đền bù giải phóng mặt bằng nếu đường ranh cản lửa đi qua diện tích đất của chủ rừng.

2. Khi lập phương án (quy hoạch), ưu tiên bổ sung đường ranh phòng chống cháy rừng đối với diện tích rừng sản xuất đã trồng trước đây nhưng chưa được hỗ trợ.

Điều 9. Thực hiện đầu tư và đặt hàng đối với các công ty nông lâm nghiệp (quy định tại Khoản 2, Điều 1 Nghị định số 118/2014/NĐ-CP)

1. Công ty nông, lâm nghiệp có diện tích rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên chưa đến thời kỳ khai thác, căn cứ định mức khoán quản lý bảo vệ rừng hiện hành, lập dự toán theo mức hỗ trợ bằng 50% mức bình quân khoán quản lý bảo vệ rừng theo quy định điểm a, khoản 2, Điều 15 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg. Chu kỳ hỗ trợ đặt hàng khoán bảo vệ rừng là 5 năm. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, giao kế hoạch đặt hàng quản lý bảo vệ rừng với công ty nông, lâm nghiệp để quản lý bảo vệ rừng.

2. Hỗ trợ xây dựng trạm quản lý bảo vệ rừng, các công trình phòng chống cháy rừng, nhà tập thể cho người lao động.

a) Công ty nông, lâm nghiệp xây dựng dự án bảo vệ và phát triển rừng trong đó có các nội dung xây dựng trạm quản lý bảo vệ rừng, các công trình phòng chống cháy rừng, nhà tập thể cho người lao động.

b) Trường hợp Công ty nông, lâm nghiệp không xây dựng dự án bảo vệ và phát triển rừng, dự án trồng rừng mà có nhu cầu xây dựng trạm quản lý bảo vệ rừng, các công trình phòng chống cháy rừng, nhà tập thể cho người lao động. Công ty nông, lâm nghiệp xây dựng dự án riêng cho các công trình này. Các